TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2020/HSST
Ngày 25-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Đ

2. Ông Dương Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hoàn Chỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 292/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: ***H' T;*** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 6 năm 1997; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Hẻm Y, Buôn P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Êđê; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Y T2 và bà H' W; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1999 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1996 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1988 - có mặt

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người làm chứng: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1972 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H' T và anh Nguyễn Hữu N là bạn bè và ở chung cùng phòng trọ tại đường P, phường T, thành phố B. Trong thời gian ở chung, do cần tiền tiêu xài nên H' T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, biển số 47L1- 139.11 của anh Nguyễn Hữu N để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2020, H' T Niê Brit sử dụng phần mềm Facebook Messenger, được cài đặt trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 Prime, màu vàng, nhắn tin đến tài khoản mang tên "BT Thỏ" của chị Nguyễn Thị Thanh H và chụp ảnh chiếc xe mô tô biển số 47L1- 139.11 của anh N để nhờ H tìm nơi cầm cố, do chị H tưởng xe của H' T Niê Brit nên đã đồng ý giúp H' T Niê Brit tìm người cầm cố xe. Trưa ngày 17/5/2020, anh N dựng chiếc xe mô tô biển số 47L1- 139.11 trước cửa phòng trọ và để chìa khóa trên cây đàn Organ trong phòng, rồi đi ngủ. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc anh N đang ngủ say, H' T đã lén lút lấy chìa khóa xe, dắt chiếc xe mô tô biển số 47L1- 139.11 của anh N ra ngoài đường rồi nổ máy xe chạy đến số nhà đường N, phường T, thành phố B gặp chị H, nhờ chị H tìm người cầm cố chiếc xe 47L1- 139.11. Lúc này, chị H gọi điện thoại cho anh trai là Nguyễn Cao T2 (tên gọi khác là R) nhờ tìm người cầm cố xe mô tô. Khi anh T2 gặp H' T, anh T2 hỏi về nguồn gốc xe 47L1- 139.11, thì H' T nói "Mày biết thế thôi" nên T2 không hỏi nữa mà yêu cầu cho T2 200.000 đồng, để T2 chỉ người cầm cố xe thì H' T đồng ý. Sau đó, T2 dẫn H' T đến số nhà đường H, phường T, thành phố B gặp Nguyễn Văn T1 và giới thiệu cho H' T cầm cố xe. Tại đây, anh T1 hỏi về nguồn gốc xe mô tô 47L1- 139.11, thì H' T nói "Xe này biển số huyện K", mua của một người quen, nhưng chưa sang tên, đổi chủ, anh T1 không biết xe mô tô 47L1- 139.11 do H' T trộm cắp mà có nên đồng ý cầm cố xe mô tô 47L1- 139.11 với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cầm xe 01 tháng. H' T trả lãi trước cho anh T1 số tiền 1.500.000 đồng và đưa các giấy tờ liên quan đến phương tiện cho anh T1, anh T1 đã đưa cho H' T số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi cầm cố được xe thì H' T đã cho T2 số tiền 200.000 đồng. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, anh N ngủ dậy, không thấy xe 47L1- 139.11 nên điện thoại cho H' T hỏi H' T có đi xe của anh N không thì H' T trả lời không biết, nên anh N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trình báo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 122/KLĐG, ngày 05/6/2020, của Hội đồng định giá tài sản trongTố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, biể số 47L1- 139.11, màu sơn đỏ, số máy JF51E0229690, số khung 5114FY016753, đã qua sử dụng, trị giá: 38.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 299/CT-VKS-HS ngày 03/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã truy tố H' T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H' T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, I ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo H' T mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 48 (bốn mươi tám) tháng.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, biển số 47L1- 139.11, màu sơn đỏ, số máy JF51E0229690, số khung 5114FY016753; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C; 01 Giấy Bảo hiểm xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu N và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu N cho anh Nguyễn Hữu N là chủ sở hữu.

Tuyên trả lại số tiền 8.500.000 cho anh Nguyễn Văn T1, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, số Imei 356431081422419, là tài sản mà bị cáo H' T sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại số tiền 4.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra người bị hại anh Nguyễn Hữu N xác định đã nhận 4.000.000 đồng tiền bị cáo bồi thường và chiếc xe đã bị H' T trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm và xin bãi nại cho bị cáo; Chị Nguyễn Thị Thanh H không có yêu cầu gì. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T1 đề nghị Tòa án tuyên trả cho anh T1 số tiền 8.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo H' T là có cơ sở, đúng pháp luật.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 17/5/2020, tại phòng trọ số nhà đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, H' T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 47L1- 139.11 của anh Nguyễn Hữu N, trị giá 38.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo H' T thực hiện đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*...;''*

[2] H' T là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, buộc bị cáo phải biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị trừng trị nghiêm minh. Song do ý thức coi thường pháp luật, vụ lợi cá nhân, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội; Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bị hại; Phạm tội gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, người bị hại đã bãi nại cho bị cáo; Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Do đó, cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nhất thời phạm tội; Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án còn có Nguyễn Cao T2 là người giúp cho bị cáo H' T gặp anh Nguyễn Văn T1 hỏi về việc cầm cố chiếc xe mô tô biển số 47L1- 139.11. Sau khi, giúp H' T cầm cố được xe và lấy 200.000 đồng, thì T2 đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ nơi ở. Cơ quan điều tra chưa tiến hành ghi lời của T2 được để làm rõ T2 có biết rõ chiếc xe mô tô biển số 47L1-139.11 của H' T do trộm cắp mà có hay không, để xử lý theo quy định của pháp luật, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi của Nguyễn Cao T2 ra khỏi vụ án, để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H là người giới thiệu cho bị cáo H' T cầm cố xe và anh Nguyễn Văn T1 là người cầm cố xe mô tô biển số 47L1- 139.11 cho H' T, nhưng chị H, anh T1 không biết chiếc xe do H' T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với chị H và anhT1 là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 8.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H' T là tiền của anh Nguyễn Văn T1 đã đưa cho bị cáo để cầm cố chiếc xe 47L1- 139.11. Anh T1 không biết xe do H' T trộm cắp mà có, nên cần tuyên trả lại cho anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 Prime, màu vàng, số Imei 356431081422419, là tài sản mà bị cáo H' T sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 47L1- 139.11, anh Nguyễn Hữu N là chủ sở hữu hợp pháp, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho anh N là phù hợp, nên chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại số tiền 4.000.000 đồng.

[10] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo H' T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo H' T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H' T cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo H' T thực hiện các N vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tuyên trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 Prime, màu vàng, số Imei 356431081422419 của H' T.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 47L1- 139.11 cho anh Nguyễn Hữu N là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo H' T và bị hại Nguyễn Hữu N số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) (đã bồi thường xong).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo H' T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Dư